

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; thay thế; bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; lâm nghiệp; thú y; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn; Quyết định số 375/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 19 thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; thay thế; bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; lâm nghiệp; thú y; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện:

1. Niêm yết, công khai Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và nơi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình nội bộ, liên thông đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện quy trình điện tử của thủ tục hành chính và công khai đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: dichvucong.gov.vn; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: dichvucong.tuyenquang.gov.vn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế thủ tục hành chính tại số thứ tự 9, 12, 13 Mục I (lĩnh vực Lâm nghiệp); số thứ tự 41, 42, 44, 45, 49 Mục V (lĩnh vực Thú y); số thứ tự 83, 84 Mục IX (lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) Phần A tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

Bãi bỏ thủ tục hành chính tại số thứ tự 20 (lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa); số thứ tự 43, 46, 47, 48 Mục V (lĩnh vực Thú y); số thứ tự 85 Mục IX (lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) Phần A và số thứ tự 1 Mục I (lĩnh vực Lâm nghiệp) Phần B tại Danh mục thủ tục hành chính ban

hành kèm theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THCBKSMai.

Nguyễn Thế Giang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN; LÂM NGHIỆP;
THÚ Y; HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A.1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; thay thế

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC THÚ Y (02 thủ tục)							
1.	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	- 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định. - 35 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định (không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	- Phí thẩm định: 3.500.000 đồng/lần. - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày	x	x	Mức độ 4

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
					14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán bệnh thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật			
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Nông nghiệp và PTNT)	Phí thẩm định: 3.500.000 đồng/lần.	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x	x	Mức độ 4
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (01 thủ tục)							
3.	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	x	x	Mức độ 3

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
	quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT		(Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Nông nghiệp và PTNT)					
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (04 thủ tục)							
4.	Phê duyet Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế ¹ (mã TTHC: 1.007917)	- 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa); - 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không	Khoản 5 Điều 2, Điều 3 Thông tư số 25/2022/TT- BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	x	x	Mức độ 4
5.	Phê duyet dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng	- Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: + Phê duyệt dự toán, thiết kế và thông báo bằng văn bản cho chủ dự án: 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. + Chủ dự án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Nông nghiệp	Không	Điều 4 Thông tư số 25/2022/TT- BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	x	x	Mức độ 3

¹ Sửa đổi, bổ sung tên và nội dung TTHC theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
	rừng thay thế ² (mã TTHC: 1.007916)	rừng cấp tỉnh: 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp tỉnh - Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + UBND cấp tỉnh gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và PTNT: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; + Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi văn bản đề nghị UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế phê duyệt dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế: 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và PTNT;	và Phát triển nông thôn)					

² Sửa đổi, bổ sung tên và nội dung TTHC theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
		- Chủ dự án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ nông nghiệp và PTNT hoặc Cơ quan chuyên môn.						
6.	Xác nhận bảng kê lâm sản ³ (mã TTHC: 1.000045)	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Không	Điều 5 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	x	x	Mức độ 3

³ Sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
7.	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên ⁴ (mã TTHC: 1.000047)	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện	Không	Điều 7 Thông tư số 26/2022/TT- BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	x	x	Mức độ 3
IV THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (02 thủ tục)								
8.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm,	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); - Ủy ban nhân dân các huyện, thành	Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ	x	x	Mức độ 4

⁴ Sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
	thủy sản ⁵ (mã THC: 2.001827)		phố.		Nông nghiệp và PINT; - Thông tư số 32/2022/TT- BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; số 286/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 47/2019/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 của			

⁵ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; mẫu đơn, tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính theo Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
					UBND tỉnh Tuyên Quang phân cấp cơ quan quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Quy định cơ quan thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.			

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
9.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) ⁶ (mã THHC: 2.001823)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.	Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân	x	x	Mức độ 4

⁶ Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; mẫu đơn, tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
					dân tỉnh Tuyên Quang.			
V	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THỂ LĨNH VỰC THÚ Y (02 thủ tục)							
10.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật ⁷ (mã	- 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định. - 25 ngày, kể từ ngày nhận được	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành	- Phí thăm định: 300.000 đồng/lần - Phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo	- Luật Thú y 19/6/2015; - Thông tư số 24/2022/TT- BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông Nghệ và PTNT;	x	x	Mức độ 3

⁷ Thay thế thủ tục: (1) Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn; (2) Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống) theo quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
	TTHC: 1.011475)	hồ sơ hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định (không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục).	phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chăn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật ⁸ (mã TTHC: 1.011477)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả: Sở Nông nghiệp và PTNT)	Phí thẩm định: 300.000 đồng/lần.	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.	x	x	Mức độ 4

A.2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn về liên kết sản xuất, kinh doanh, sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐCD ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

⁸ Thay thế thủ tục: (1) Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn; (2) Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản; (3) Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại (mã TTHC: 1.003619)	Thú y	Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản) (mã TTHC: 1.003598)	Thú y	Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận (mã TTHC: 1.003589)	Thú y	Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận (mã TTHC: 1.003577)	Thú y	Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (<i>trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP</i>) (mã TTHC: 2.001819)	Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

B.1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
1	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	x	x	Mức độ 3

B.2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Xác nhận bảng kê lâm sản (mã TTHC: 1.000037)	Lâm nghiệp	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện